

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-PT.

Ngày: 14-12-2020.

V/ v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Thẩm phán:

Ông Bằng Công Hiệp

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Đỗ Thị Thu Thủy- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2020/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Chu Bá B, sinh năm 1981

Nơi ĐKKHKT: Thôn ĐL, xã QM, huyện VY, tỉnh Bắc Giang.

Tạm trú: Tổ 9, phường TL, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt)

2. Bị đơn:Chị Trần Thị D, sinh năm 1982

Nơi đăng ký HKTT: Tổ 9, phường TL, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

3. Người kháng cáo: Chị Trần Thị D là bị đơn.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Chu Bá B trình bày: Anh kết hôn cùng chị Trần Thị D năm 2008, có đăng ký tại UBND xã QM, huyện VY, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung nên luôn xảy ra cãi vã. Hơn nữa đến thời điểm này vợ chồng không có con chung nên anh cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã nhiều lần làm đơn ly hôn xong lại cố gắng khắc phục mâu thuẫn về với nhau, tuy nhiên chỉ được thời gian ngắn vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2019, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh chị Trần Thị D trình bày: Chị D xác định vợ chồng kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QM, huyện VY, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, anh B là người ít nói nên vợ chồng ít chia sẻ với nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2019. Nay anh B có đơn ly hôn, chị xác định tình cảm chị dành cho anh vẫn còn, chị đồng ý để anh tìm người khác và có con riêng nhưng không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Chu Bá T, sinh năm 2008; Chu Thị A, sinh năm 2009; Chu Ngọc Q, sinh năm 2012; Chu Bá C, sinh năm 2013. Cả 04 con của hai vợ chồng đều đã mất trong độ tuổi sơ sinh.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết

Với nội dung trên, tại bản án số 51/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định: Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Chu Bá B, cho anh B được ly hôn chị Trần Thị D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh B, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Chu Bá B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được chuyển từ tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002645 ngày 06/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/8/2020 chị Trần Thị D có đơn kháng cáo với nội D: Trong bản án của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên có ghi một số nội D không đúng như những quyết định mà chị nhận được, không đúng với những lời khai của vợ chồng chị, không chính xác những diễn biến trong buổi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 28/7/2020 do chị bị bệnh tiểu đường, chị bị hạ đường huyết, đã gục xuống bàn khoảng 10 phút, chị xin hoãn phiên tòa nhưng Hội đồng xét xử không đồng ý, khi chị quay lại thì phiên tòa đã kết thúc. Đối với việc xác định việc mâu thuẫn và thời điểm ly thân của chị và anh B như trong bản án sơ thẩm nhận định cũng không đúng. Chị không đồng ý với bản án sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị D giữ nguyên nội D kháng cáo.

Chị D trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho anh B ly hôn với chị, chị nhất trí ly hôn và không kháng cáo. Chị D đề nghị làm rõ những nội dung chị kháng cáo để bản án được đúng quy định.

Anh B giữ nguyên quan điểm và lời khai trong hồ sơ, xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn trầm trọng và có mong muốn được ly hôn với chị D.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị D, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên. Về án phí, chị D phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị D làm trong hạn luật định, đã nộp đủ án phí kháng cáo là hợp lệ nên được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội D: Xét kháng cáo của chị D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình xét xử sơ thẩm, chị D tham gia phiên tòa từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến khi kết thúc phần tranh luận (bút lục số 73). Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án chị D có trình bày do sức khỏe không đảm bảo chị đề nghị Hội đồng xét xử được hoãn phiên tòa. Chủ tọa đã giải thích pháp luật cho chị D tại phiên tòa nhưng sau đó chị D bỏ ra ngoài. Việc Tòa án sơ thẩm tiến hành nghị án và tuyên án vắng mặt chị D là đúng quy định.

[3.] Đối với kháng cáo của chị D về việc bản án sơ thẩm đã ghi sai số quyết định đưa vụ án ra xét xử và chữ viết tắt sau số thụ lý vụ án hôn nhân gia đình không đồng nhất. Tuy nhiên, do lỗi về chính tả, Tòa án cấp sơ thẩm đã có quyết định sửa chữa, bổ sung quyết định sơ thẩm số 13/2020/QĐ-SCBSBA ngày 07/8/2020 gửi cho các đương sự, phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, kháng cáo của chị D về nội dung nêu trên là không có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, khi ban hành bản án cần kiểm tra kỹ tránh những sai sót.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.] Về án phí: Do kháng cáo của chị D không được chấp nhận nên chị D phải chịu án phí phúc thẩm.

[5.] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 ;Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng

12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Thị D. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 51/2020/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Chu Bá B, cho anh B được ly hôn chị Trần Thị D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh B, chị D không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Chu Bá B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0002645 ngày 06/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, xác nhận đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003477 ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TPTN;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- UBND phường TL, TPTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bằng Công Hiệp- Nguyễn Thị Thủy

Lê Thị Hồng Phương

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND xã Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương